

ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN VAI TRÒ CỦA GIỚI TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI GIAO LẠC, GIAO THỦY, NAM ĐỊNH

Nguyễn Tất Thắng^{1*}, Nguyễn Thị Hương Giang², Ngô Thế Ân²

¹*Khoa Sư phạm và Ngoại Ngữ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email : thaianh0412@yahoo.com*

Ngày gửi bài: 31.01.2015

Ngày chấp nhận: 17.05.2015

TÓM TẮT

Áp dụng cách tiếp cận phân tích giới và phương pháp nghiên cứu có sự tham gia, nghiên cứu đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) tới nam giới và nữ giới trong sản xuất nông nghiệp (SXNN) nhằm đề xuất các giải pháp hướng tới đảm bảo công bằng giới trong chính sách ứng phó với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT) tại xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các áp lực khác nhau của BĐKH tới nam giới và nữ giới. Những thay đổi tích cực trong nhận thức về vai trò của phụ nữ tại Giao Lạc cũng được tìm thấy thông qua kết quả thảo luận. Nữ giới đã tham gia thực hiện và ra quyết định khoảng 70% các giải pháp ứng phó (GPU/P) với thiên tai (TT) trong trồng trọt và chăn nuôi và quyết định 100% các GPU/P về tín dụng. Tuy nhiên, việc tăng cường sự tham gia này cùng với gánh nặng về việc nhà và các khoảng cách về giới khác vẫn đang tồn tại ở Giao Lạc khiến bất bình đẳng giới có nguy cơ tăng cao trong bối cảnh BĐKH.

Từ khóa: BĐKH, cộng đồng ven biển, rủi ro thiên tai, vai trò giới.

Impacts of Climate Change on Gender Role in Agricultural Production: A Case Study in Giao Lac, Giao Thuy, Nam Dinh

ABSTRACT

Using gender analysis approach and participatory methodologies, the study aims to find out impacts of climate change on gender roles in agricultural production to propose appropriate solutions for gender equity in climate change (CC) adaptation and disaster mitigation policy at local level. The study found, CC and disasters produced high pressure for Giao Lac commune. Due to gender role, the impacts of CC on men and women were different. Study results pointed out the positive change of society perception in the role of women. They participated in decision making of nearly 70% solutions for CC adaption in horticulture and livestock, and 100% in financial solutions. However, improving the role of women in production and CC adaptation activities, accompanying with burden of housework and other gender gap might increase gender inequality in Giao Lac Commune. Thus, this study proposed that local government and other stakeholders should take gender equality into account for any CC adaption or mitigation policy or plan which is being or will be implemented in this commune.

Keywords: Climate change, gender role, disaster, coastal commune.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Được đánh giá là một trong các quốc gia có nguy cơ tổn thương cao trước tác động của

BĐKH, tại Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về vấn đề này được triển khai nhưng mối liên hệ giữa giới và BĐKH là lĩnh vực chưa thực sự có nhiều nghiên cứu sâu và rộng. Các nghiên cứu

trên thế giới cho thấy BĐKH có những tác động rất khác biệt về giới (Lambrou and Piana, 2006; Jones, 2009; Rodenberg, 2009). Năm 2011, báo cáo ‘Giới và BĐKH’ của Emmeline Skinner đã chỉ rõ, trong cuộc chiến đối phó với BĐKH, việc tìm ra các chính sách và cách tiếp cận phù hợp về giới là một việc làm hết sức cần thiết. Theo Skinner, cả nam giới và nữ giới đều chịu tác động của BĐKH, tuy nhiên, trải nghiệm của họ là khác nhau. Tại nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển, các rào cản kinh tế và quy chuẩn về mặt văn hóa đã khiến cho các bất bình đẳng về giới tồn tại như bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận với nghề nghiệp, giáo dục, thông tin; đất đai, tài sản; tham gia việc ra quyết định tại gia đình và cộng đồng. Những điều này khiến nữ giới có xu hướng trở thành đối tượng bị tổn thương hơn khi BĐKH xảy ra. Với SXNN, đánh giá tác động khác biệt của BĐKH tới giới và đảm bảo công bằng giới còn đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực trong tương lai (Lambrou and Piana, 2006).

Mục tiêu bài viết nhằm tìm ra đặc điểm phân công lao động theo giới trong sản xuất nông nghiệp và ứng phó với thiên tai tại xã Giao Lạc, qua đó phân tích những tác động khác biệt của BĐKH tới nam giới và nữ giới để đề xuất các giải pháp giúp chính quyền địa phương và các nhà khoa học đưa ra các GPUP và giảm nhẹ tác động của BĐKH phù hợp với đặc điểm giới và điều kiện thực tế của địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được triển khai tại Giao Lạc, Giao Thủy, Nam Định, áp dụng tiếp cận phân tích giới và các phương pháp nghiên cứu có sự tham gia. Bên cạnh việc thu thập các số liệu thứ cấp, nghiên cứu đã tiến hành thu thập các số liệu sơ cấp thông qua khảo sát theo lát cắt, điều tra phỏng vấn ngẫu nhiên 23 nông hộ, phỏng vấn 44 cá nhân gồm 23 nữ và 21 nam với bảng hỏi được thiết kế riêng theo giới. Ngoài ra, phương pháp thảo luận nhóm tập trung phân chia theo giới cũng được triển khai trên địa bàn 3 thôn có điều kiện kinh tế đặc trưng của xã

Giao Lạc là thôn 5, thôn 7 và thôn 21 (mỗi thôn có 10 đại diện với số lượng cân bằng về giới và có hoạt động sinh kế gắn với SXNN) nhằm tìm ra những khác biệt về giới liên quan đến hoạt động sản xuất, biện pháp ứng phó và chiến lược ứng phó với BĐKH trong SXNN. Thống kê mô tả, phân tích so sánh là những phương pháp phân tích chủ yếu được sử dụng trong quá trình nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về địa điểm nghiên cứu

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội

Báo cáo tổng kết của UBND xã Giao Lạc (2013) nêu rõ, đây là một xã ven biển thuộc huyện Giao Thủy, cạnh cửa Ba Lạt, tiếp giáp với Vườn quốc gia Xuân Thủy. Tổng diện tích của xã khoảng 705ha, dân số 11.000 người (2013). Các công trình cơ sở hạ tầng quan trọng gồm có hệ thống đê biển dài 2,763km, cống tiêu Đại Đồng. Hoạt động kinh tế chính của xã là SXNN và nuôi trồng thủy sản (NTTS) (chiếm 60% tổng giá trị sản phẩm của xã), còn lại là tiểu thủ công nghiệp với ngành nghề chính là may mặc và cơ khí.

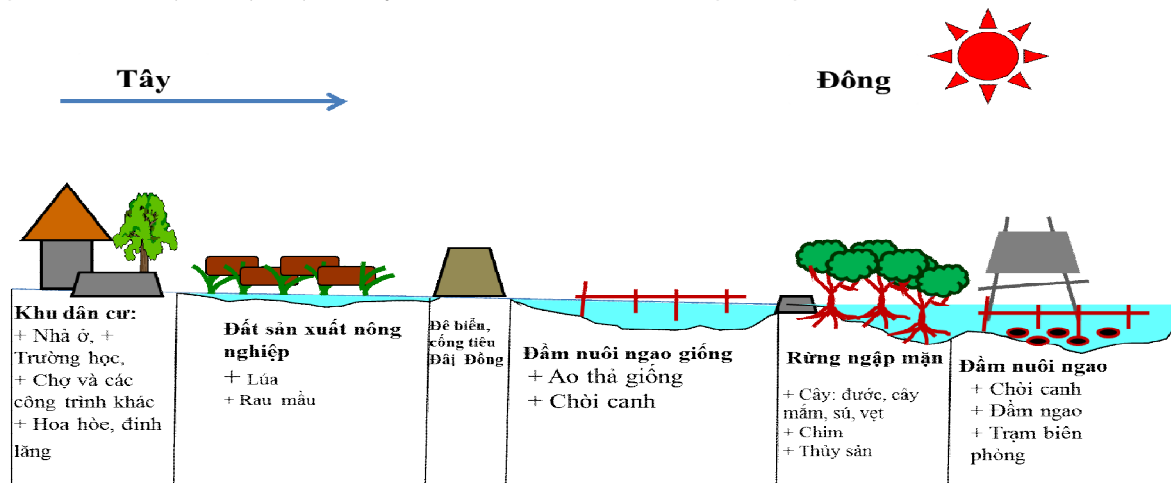
Theo kết quả khảo sát theo tuyến, các hợp phần quan trọng của Giao Lạc gồm: khu dân cư, đất SXNN (chủ yếu trồng lúa và rau màu), đê biển, đầm nuôi ngao giống, rừng ngập mặn và đầm nuôi ngao (Hình 1).

Thông tin trong hình 1 và bảng 1 cho thấy, Giao Lạc là khu vực có mức độ phơi nhiễm cao với các TT do: sinh kế chính của người dân chủ yếu phụ thuộc vào SXNN; thiếu nước sạch cho sinh hoạt (đặc biệt là vào mùa khô); đa số gia đình đều sống trong các khu vực hiểm họa cao như gần các đường nước và phía trong khu vực đê biển đã cũ; số lượng lao động chính di cư nhiều khiến các hộ gia đình chỉ có người già, phụ nữ và trẻ em tăng cao; chưa có phương tiện và khu vực sơ tán khẩn cấp công cộng. Tuy nhiên, Giao Lạc cũng có một số thế mạnh như :

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp: Trường hợp nghiên cứu tại Giao Lạc, Giao Thủy, Nam Định

trình độ dân trí cao; hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của người dân; nhận được sự chú ý của các cấp

chính quyền và một số tổ chức phi chính phủ trong việc nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH và phòng chống RRTT.



Hình 1. Lát cắt Giao Lạc

Nguồn: Khảo sát thực địa 2014

Các đặc điểm cơ bản của cộng đồng dân cư xã Giao Lạc được tổng hợp trong bảng 1.

Bảng 1. Tổng hợp các đặc điểm chung của cộng đồng dân cư xã Giao Lạc

| Đặc điểm | Mô tả |
|-----------------------------|--|
| Nguồn nước sinh hoạt | - 100% hộ sử dụng nước mưa; 52,2% hộ sử dụng nước giếng khơi; 30,4% hộ sử dụng nước kênh mương; 26,1% hộ sử dụng nước giếng khoan và 4,3% hộ phải xin nước nhà hàng xóm. - Tình trạng thiếu nước diễn ra thường xuyên vào mùa khô. |
| Thu nhập và nghề nghiệp | - Nghề nghiệp chính: 91% hộ được phỏng vấn có thu nhập từ SXNN và NTTS - Nghề nghiệp phụ gồm: buôn bán nhỏ, thợ xây, nấu rượu, công nhân, làm đồ thủ công (may vá cưới), lao động thuê (chủ yếu cho các chủ đầm ngao, tôm). - Thu nhập bình quân (2013) là 26 triệu đồng/người/năm. - Tỷ lệ hộ nghèo: 7,1% (2013) |
| Di cư | - Luồng di cư ra Hà Nội, Hồ Chí Minh, Nam Định: làm hàng ăn, lái xe taxi, giúp việc nhà. - Xuất khẩu lao động sang các nước: Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan. - Di cư theo mùa: Chủ yếu làm việc cho các xã lân cận (xúc ngao thuê, làm việc cho các đầm tôm). |
| Cấu trúc và qui mô hộ | - Qui mô hộ có xu hướng nhỏ lại, nhiều gia đình chỉ có 1 thế hệ sinh sống và đa số là người già (chiếm 17,4% số hộ được phỏng vấn). - Nhiều hộ có điểm đặc biệt như bố mẹ già sống với phụ nữ đơn thân và trẻ nhỏ. |
| Các cơ sở hạ tầng thiết yếu | - Đường giao thông liên thôn đã được kiên cố hóa. Có hệ thống chợ bán buôn, bán lẻ và cơ sở chăm sóc y tế cộng đồng. - Có hệ thống loa phát thanh đến tận các thôn. - Chưa có địa điểm sơ tán khẩn cấp tập trung |
| Giáo dục | - Tỷ lệ người biết chữ 96% - Có nhiều khóa tập huấn nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH và phát triển kinh tế của các tổ chức phi chính phủ. |

Nguồn: Kết quả phỏng vấn hộ, 2014; UBND Giao Lạc, 2013

3.1.2. Xu hướng BĐKH và các dạng thiên tai (TT) chủ yếu tại Giao Lạc

Theo số liệu quan trắc từ trạm khí tượng Nam Định, nhiệt độ trung bình ở Giao Lạc nói riêng và Giao Thủy nói chung có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 1961 - 2010, trong đó nhiệt độ trung bình tối đa trong 10 năm tăng 0,3°C và trung bình tối thiểu tăng 0,13°C. Ngoài ra, xã cũng chịu tác động của nhiều TT khác gồm: nắng nóng, rét đậm, mưa lớn, hạn hán, bão, ngập mặn và sương muối. Một số hiện tượng có xu hướng diễn ra bất thường hơn như bão muộn, rét đậm và nắng nóng kéo dài.

Theo xếp hạng của cộng đồng, loại TT có ảnh hưởng nhiều nhất đến SXNN của địa phương là bão, tiếp đến là rét đậm, sương muối (Hình 2). Xâm nhập mặn ảnh hưởng nhiều nhất đến sản xuất lúa và rau màu. Nắng nóng, triều cường ít có tác động tới địa phương hơn các loại hình TT khác.

Trong 30 năm trở lại đây, bão và mưa lớn vẫn là hai TT có nhiều tác động nghiêm trọng nhất đến khu vực. Bão lớn có thể khiến lúa và hoa màu thiệt hại từ 30 - 60%, đằm nuôi ngao và cá thiệt hại từ 60 - 100%, đặc biệt trong cơn bão số 8 năm 2012. Tần suất xuất hiện các TT

có cường độ lớn từ năm 2000 đến nay có xu hướng tăng, đặc biệt xuất hiện bão lớn liên tục các năm 2011, 2012, 2013.

3.2. Vai trò giới trong SXNN tại Giao Lạc

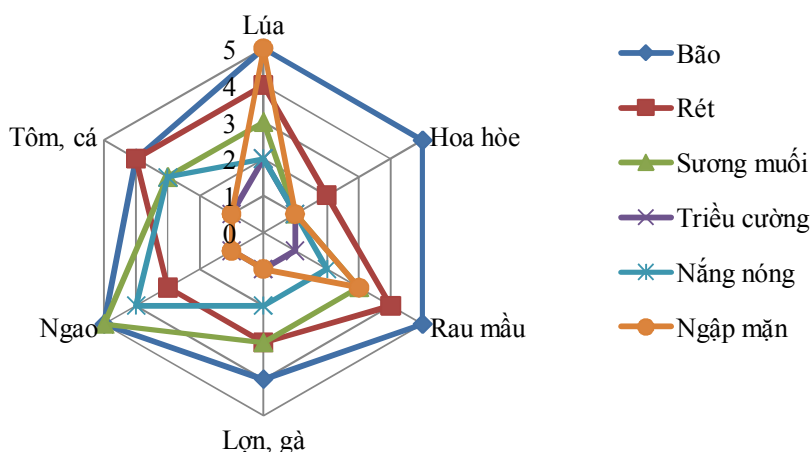
3.2.1. Vai trò giới trong sản xuất

Phân công lao động trong SXNN tại xã Giao Lạc được tổng kết trong bảng 3.

Theo kết quả thảo luận nhóm tại bảng 2, vai trò giới trong SXNN như sau:

Trồng trọt: Nam giới chủ yếu tham gia vào các công việc đòi hỏi nhiều sức lực ở giai đoạn đầu (làm đất, vận chuyển giống) và giai đoạn cuối (thu hoạch, vận chuyển) của sản xuất trong khi đó nữ giới tham gia vào tất cả các công việc, nhiều công việc có ý nghĩa quyết định đến năng suất mùa vụ như chọn giống và chăm sóc. Kết quả thảo luận cũng cho thấy hiện nay nữ giới đang thực hiện cả những công việc trước kia được coi là của nam giới như phun thuốc trừ sâu, làm đất.

Chăn nuôi: Đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm tại hộ gia đình, nữ giới đóng vai trò lao động chính, thực hiện 100% hoạt động sản xuất gồm: mua giống, kiểm thức ăn, chăm sóc.



Hình 2. Tác động của các thiên tai đến hoạt động sản xuất tại Giao Lạc

Nguồn: Thảo luận nhóm tại Giao Lạc, 2014

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp: Trường hợp nghiên cứu tại Giao Lạc, Giao Thủy, Nam Định

Bảng 2. Phân công lao động trong SXNN

| Hoạt động | Nam | Nữ | Hoạt động | Nam | Nữ | Hoạt động | Nam | Nữ |
|--------------------------|-----|----|--------------------------|-----|----|---------------------|-----|----|
| Trồng trọt | | | | | | | | |
| Làm đất | x | x | Cấy | | x | Trồng rau | | x |
| Chọn giống | | x | Phun thuốc | x | x | Tưới rau | | x |
| Gieo mạ | | x | Bón phân | x | x | Thu hoạch hoa hòe | | x |
| Gặt | | x | Điều tiết nước | | x | | | |
| Vận chuyển | x | | Phơi thóc | x | x | | | |
| Đóng gói | x | x | Bảo quản | x | x | | | |
| Chăn nuôi | | | | | | | | |
| Mua giống | | x | Nấu thức ăn | | x | Vệ sinh chuồng trại | | x |
| Kiểm thức ăn | x | x | Cho ăn | x | x | Chăn thả gia súc | x | x |
| | | | | | | Bán | x | x |
| Đánh bắt tự nhiên | | | | | | | | |
| Mò hén, cua ốc | | x | Đánh bắt bằng thuyền nhỏ | x | | Bán | | x |
| Vá lưới | | x | | | | | | |
| NTTS | | | | | | | | |
| Thả giống | x | | Làm chòi canh | x | | Trông coi | x | |
| Chăm sóc | x | | Vận chuyển | x | | Thu hoạch | x | x |
| | | | | | | Làm thuê | x | |

Ghi chú: x - có tham gia

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm, 2014

NTTS và đánh bắt tự nhiên: Nam giới giữ vai trò chủ đạo trong tất cả các khâu từ chọn giống, thả giống tới chăm nom và thu hoạch trong NTTS. Đối với đánh bắt thủy hải sản tự nhiên, phụ nữ chủ yếu tham gia vào các hoạt động đánh bắt qui mô nhỏ, sản lượng thấp và bán cá trong khi đó nam giới thường đánh bắt với công nghệ cao và sản lượng lớn hơn.

Làm thuê trong nông nghiệp: Chủ yếu là nam giới làm thuê cho các đầm nuôi ngao, nuôi tôm trong xã hoặc các xã lân cận.

Các phát hiện nói trên về phân công lao động theo giới trong SXNN tại Giao Lạc tương đồng với các kết quả đã được trình bày trong nghiên cứu của Lambrou and Plana (2006), Rodenberg (2009). Những thông tin này đã cho thấy nữ giới đang trở thành lao động chính và đôi khi là duy nhất trong gia đình trong sản xuất lúa nước và chăn nuôi gia súc gia cầm qui mô hộ. Vì lý do đó, những thiệt hại về cây trồng, vật nuôi do thiên tai

mang lại sẽ có ảnh hưởng đầu tiên tới nữ giới và làm tăng trách nhiệm của họ trong đảm bảo an ninh lương thực cho gia đình.

3.2.2. Vai trò của giới trong ứng phó với thiên tai

Kết quả thảo luận về các giải pháp ứng phó (GPUP) với TT trong SXNN theo giới tại xã Giao Lạc được chỉ ra trong bảng 4.

Quyền ra quyết định ứng phó: Nam giới là người đưa ra quyết định chủ yếu cho các GPUP với TT (12/27 giải pháp). Các quyết định thường liên quan đến các tài sản có giá trị như nhà cửa, chòi canh, tàu thuyền, thủy sản và có yêu cầu về kỹ thuật và sức lực khi thực hiện. Nữ giới đưa ra quyết định cho 7/27 GPUP, chủ yếu liên quan đến cây trồng vật nuôi và các nhu yếu phẩm cần thiết. 8/27 giải pháp còn lại liên quan đến giống cây trồng, khôi phục mùa vụ, dọn dẹp sau bão do cả hai vợ chồng cùng bàn bạc.

Bảng 4. Các giải pháp ứng phó với thiên tai theo giới trong sản xuất nông nghiệp tại Giao Lạc

| Hoạt động | Người quyết định | Người thực hiện | | Hoạt động | Người quyết định | Người thực hiện | |
|------------------------------|------------------|-----------------|----|---------------------------------|------------------|-----------------|----|
| | | Chồng | Vợ | | | Chồng | Vợ |
| Trồng trọt | | | | | | | |
| Thu hoạch sớm | 2 | x | x | Gieo lại hoa màu | 3 | x | x |
| Thau chua rửa mặn | 1 | | x | Khôi phục mùa vụ | 3 | x | x |
| Chọn giống cây phù hợp | 3 | | x | Tưới rau | 1 | | x |
| Chuyển đổi sử dụng đất | 2 | x | | Che phủ hoa màu | 1 | | x |
| Chăn nuôi | | | | | | | |
| Che chắn chuồng trại | 3 | x | x | Chọn giống | 1 | | x |
| Dự trữ thức ăn | 1 | | x | Sử dụng điện sưởi | 2 | x | x |
| Tiêm vắc xin | 3 | x | x | Chàng chống chuồng trại | 2 | x | x |
| Nhốt gà vịt vào chuồng | 1 | | x | | | | |
| Đánh bắt tự nhiên | | | | | | | |
| Đưa thuyền tới nơi an toàn | 2 | x | | Sửa chữa tàu thuyền | 2 | x | |
| NTTS | | | | | | | |
| Chàng chống chồi canh | 2 | x | | Chọn giống | 2 | x | |
| Khôi phục mùa vụ thủy sản | 2 | x | | Chuyển ngao vào khu vực an toàn | 2 | x | x |
| Be bờ, chằng bả cho ao cá | 2 | x | | | | | |
| Khác | | | | | | | |
| Chuẩn bị vật liệu, nhân công | 2 | x | x | Theo dõi thông tin | 3 | x | x |
| Chuẩn bị tiền | 1 | | x | Dọn dẹp sau bão | 3 | x | x |

Ghi chú: Vợ - 1; Chồng - 2; Vợ và chồng - 3; x - Có tham gia

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm, 2014

Tham gia thực hiện: Nam giới là người thực hiện 100% các giải pháp ứng phó với thiên tai trong NTTS và đánh bắt tự nhiên như di chuyển tàu thuyền đến nơi an toàn, khôi phục mùa vụ, gia cố bờ đê và di chuyển con giống. Những công việc này chủ yếu diễn ra khi có bão. Mặc dù không phải là người được quyết định nhiều như nam giới nhưng nữ giới là người tham gia hầu hết vào các công việc phòng chống TT trong trồng trọt (hơn 80% giải pháp) và chăn nuôi (100% giải pháp). Các giải pháp này không chỉ thực hiện để ứng phó với bão mà còn cho nhiều loại thiên tai khác xảy ra tại địa phương như xâm nhập mặn, sương muối, rét đậm. Điều này cho thấy, những rủi ro thiên tai do BĐKH mang lại sẽ làm tăng các công việc không được trả lương và gánh nặng cho người phụ nữ hơn là nam giới.

3.2.3. Vai trò tái sản xuất và cộng đồng

Phân công lao động trong gia đình

Kết quả phân tích thời gian hoạt động trong ngày của nam và nữ cho thấy nữ giới ngoài công việc sản xuất chính họ còn phải tham gia rất nhiều các công việc phụ trong gia đình. Thời gian làm việc của nữ giới có thể lên tới 12 tiếng/ngày trong khi đó thời gian làm việc của nam giới chỉ khoảng 7 tiếng/ngày. Thời gian làm việc nhiều khiến nữ giới ít có thời gian để tiếp cận và thu nhận các thông tin cảnh báo về thiên tai cũng như thời gian nghỉ ngơi và chăm sóc bản thân, làm tăng tính dễ bị tổn thương của họ khi BĐKH diễn ra (Hình 3).

Vai trò xã hội theo giới

Theo kết quả phỏng vấn hơn 44 người cả nam giới và nữ giới, 100% đều tham gia ít nhất

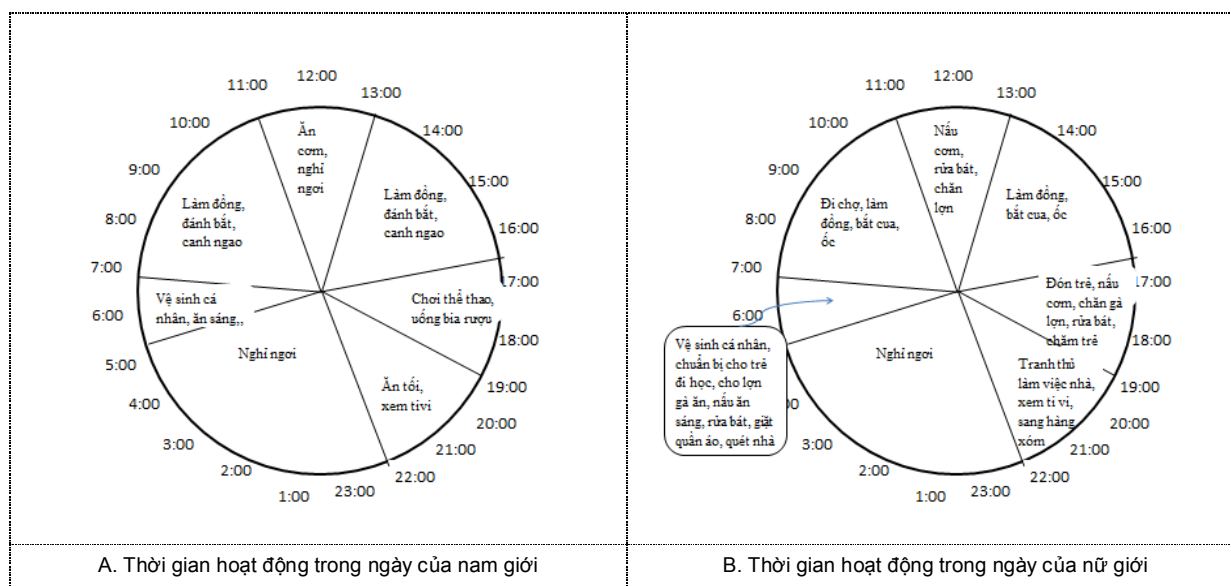
Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến vai trò của giới trong sản xuất nông nghiệp: Trường hợp nghiên cứu tại Giao Lạc, Giao Thủy, Nam Định

một tổ chức xã hội tại địa phương. Hai tổ chức xã hội thu hút được nhiều người tham gia nhất là hội nông dân và hội phụ nữ. Tuy nhiên, số lượng cán bộ thôn, xã là nữ giới lại không có nhiều. 100% lãnh đạo xã, cán bộ địa chính, cán bộ phụ trách nông nghiệp, thủy lợi là nam giới. Tại các thôn điều tra chỉ có 1/6 lãnh đạo thôn (gồm trưởng thôn và bí thư thôn) là nữ giới. Số lượng hạn chế của nữ giới trong bộ máy chính quyền không chỉ khiến nhu cầu và nguyện vọng của họ không được đề đạt trong các chính sách về ứng phó với BĐKH và GNRRTT mà năng lực

và kinh nghiệm của họ cũng không được huy động một cách hiệu quả vào cuộc chiến này.

3.2.4. Tiếp cận đầu vào trong sản xuất theo giới

Khả năng tiếp cận với các nguồn lực đầu vào trong sản xuất sẽ ảnh hưởng đến năng lực ứng phó của mỗi cá nhân. Các thông tin trong bảng 5 cho thấy, nam giới thường chiếm ưu thế hơn so với nữ giới trong việc tiếp cận nguồn vốn, đất đai và hệ thống thông tin cảnh báo TT sớm. Điều này khiến nam giới chủ động hơn so với nữ trong thực hiện các hành động ứng phó với TT.



Hình 3. Phân chia thời gian hoạt động trong ngày của nam giới và nữ giới

Nguồn: Thảo luận nhóm, 2014

Bảng 5. Thông tin về sở hữu đất đai, nguồn vốn và hệ thống cảnh báo TT tại Giao Lạc

| | |
|---------------------------------|--|
| Sở hữu đất đai | - Đứng tên trong sổ đỏ chủ yếu là nam giới: 78% số hộ được phỏng vấn |
| Nguồn vốn | - Các loại vốn quan trọng của khu vực gồm: vốn ngân hàng (cần thế chấp sổ đỏ, tiền vay trung bình 50 triệu); Vốn tín dụng tự tổ chức; vốn hội phụ nữ, hội nông dân hoặc anh em, họ hàng nhưng số tiền vay được ít chỉ từ 3 – 15 triệu. Phường vàng vay được từ 100-140 triệu nhưng có rủi ro. - Người đi vay: Theo kết quả thảo luận nhóm, với các khoản vay lớn từ ngân hàng và phường vàng đều cần có sự bàn bạc và đi vay của cả 2 vợ chồng. Các nguồn vay nhỏ khác chủ yếu do nữ giới đi vay. |
| Hệ thống cảnh báo sớm thiên tai | - Nguồn thông tin gồm: Ti vi, đài, chính quyền địa phương, kinh nghiệm - Người tiếp nhận đầu tiên: Nam giới thường là người đầu tiên nhận được thông tin từ các nguồn chính thống như đài, tivi, chính quyền. Trong khi đó nữ giới thường nhận được thông tin về thiên tai gián tiếp qua chồng, con hoặc hàng xóm. Đồng thời, nữ giới cũng là nhóm có các thay đổi về sức khỏe khi thiên tai xảy ra. |

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn hộ, 2014

3.3. Tác động của BĐKH tới vấn đề giới trong SXNN ở Giao Lạc

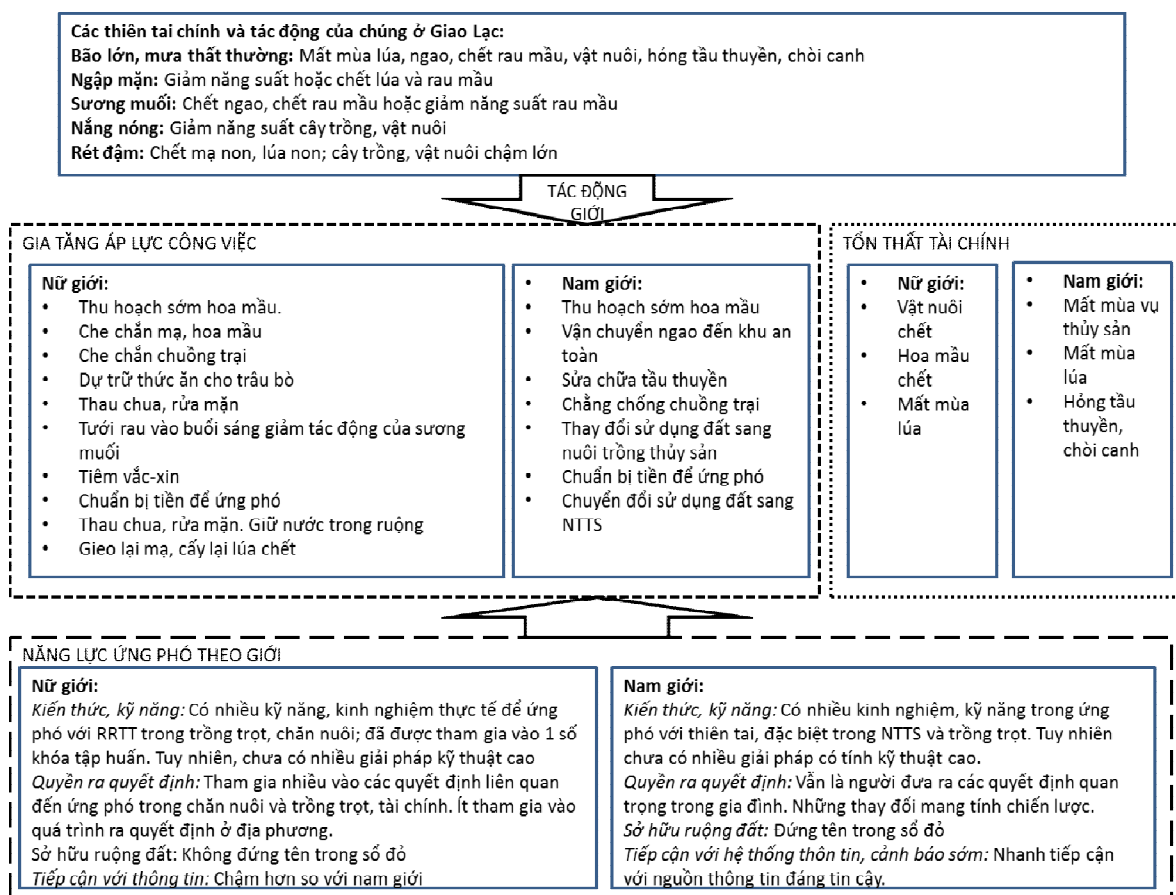
Thông qua việc phân tích trên có thể thấy BĐKH cùng với các rủi ro thiên tai do nó mang lại có tác động khác biệt rõ ràng tới nam giới và nữ giới. Nguyên nhân của sự khác biệt này chính là do những khác biệt về phân công lao động theo giới trong các hoạt động sản xuất và tái sản xuất, hoạt động ứng phó với thiên tai và khả năng tiếp cận với các nguồn lực đầu vào trong sản xuất. Kết quả này được khái quát như hình 4.

Các nội dung tổng hợp trong hình 4 cho thấy, BĐKH có các tác động chính như sau tới nam giới và nữ giới tại Giao Lạc:

Gia tăng áp lực công việc trong sản xuất: Sự gia tăng về số lượng và cường độ thiên tai thời gian gần đây đã làm tăng áp lực công việc

cho cả nam giới và nữ giới tại Giao Lạc. Tuy nhiên, với nam giới, thời điểm công việc tăng nhiều nhất là khi xảy ra bão lớn trong khi đó nữ giới lại là người tham gia vào các hoạt động ứng phó với hầu hết các loại thiên tai xuất hiện tại địa phương như bão, rét đậm, xâm nhập mặn, sương muối. Các hoạt động ứng phó của nam giới và nữ giới trong các lĩnh vực sản xuất cũng có sự khác biệt: trong trồng trọt và chăn nuôi nữ giới đóng vai trò chính trong khi đó với NTTS thực hiện hoạt động ứng phó chủ yếu là nam giới.

Gây ra các tổn thất về tài chính: Theo kết quả thảo luận nhóm, xâm nhập mặn có thể làm năng suất lúa và hoa màu của các hộ giảm từ 30 - 50%, bão và mưa lớn có thể khiến các đầm nuôi ngao thiệt hại 70 - 100%



Hình 4. Tác động của BĐKH tới nam giới và nữ giới trong SXNN ở Giao Lạc

Tác động đến sức khỏe và tâm lý: Theo kết quả thảo luận nhóm, những diễn biến xấu về sức khỏe và tâm lý của nữ giới (đau đầu, nhức xương khớp, mất ngủ, lo lắng) và nam giới (căng thẳng, dễ cáu gắt) có xu hướng tăng khi thiên tai xảy ra.

Năng lực ứng phó của nam giới và nữ giới cũng khác biệt:

Kinh nghiệm và kỹ năng ứng phó trong sản xuất: Do đặc điểm vai trò sản xuất, kết quả thảo luận nhóm cho thấy nữ giới có khả năng thực hiện nhiều hoạt động ứng phó với các dạng TT khác nhau trong sản xuất hơn nam giới, đặc biệt trong trồng trọt và chăn nuôi. Họ cũng là nhóm thường phát hiện ra những biểu hiện sớm của dạng TT chưa có hệ thống cảnh báo sớm của cộng đồng như xâm nhập mặn. Cả nam giới và nữ giới tại Giao Lạc đều có bề dày kinh nghiệm trong việc ứng phó với các TT trong SXNN, tuy nhiên thông tin thu được cũng cho thấy các giải pháp ở đây cũng còn khá thô sơ.

Quyền ra quyết định trong gia đình: Kết quả nghiên cứu cho thấy, tại Giao Lạc, nam giới vẫn là người đưa ra quyết định chính trong gia đình. Tuy nhiên, cũng có thể thấy những thay đổi trong quan điểm của xã hội về vai trò của nữ giới. Họ tham gia quyết định không chỉ trong các GPUP với trồng trọt và chăn nuôi mà còn tham gia bàn bạc và quyết định 100% các khoản vay cho gia đình để ứng phó với TT và phát triển sản xuất.

Tiếp cận với đất đai, thông tin: So với nam giới, nữ giới ở Giao Lạc có nhiều hạn chế trong việc tiếp cận với cảnh báo sớm về TT (do áp lực công việc) và đất đai (do không được đứng tên trong sổ đỏ).

Tham gia vào các tổ chức xã hội và quá trình gia quyết định tại địa phương: số lượng nữ lãnh đạo xã, thôn quá ít cho thấy nữ giới chưa được tham gia nhiều vào các quá trình ra quyết định ở chính quyền địa phương.

Thông tin thu được tại Giao Lạc cho thấy cả nam giới và nữ giới ở đây đều có mức độ tổn thương cao khi BĐKH diễn ra. Tuy nhiên, xét

về năng lực ứng phó theo giới, nữ giới là nhóm có xu hướng dễ bị tổn thương hơn do các yếu tố về sức khỏe, khả năng tiếp cận với thông tin, quyền sở hữu đất đai; áp lực công việc gia đình; hạn chế trong tham gia vào các quá trình ra quyết định tại cộng đồng. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận họ có những năng lực, kinh nghiệm phong phú khi ứng phó với TT trong trồng trọt và chăn nuôi ở khu vực ven biển.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Giao Lạc là khu vực phải chịu tác động mạnh của các TT liên quan tới BĐKH như: bão, lụt, hạn hán, rét đậm, xâm nhập mặn và sương muối. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến SXNN của địa phương, tăng áp lực về công việc và gây ra các tổn thất về tài chính cho hầu hết các hộ gia đình. Tuy nhiên, tác động của BĐKH đến nam và nữ có sự khác biệt rõ rệt. Do sự khác biệt về đặc điểm thể chất, phân công lao động và vai trò xã hội, nữ giới là nhóm có xu hướng dễ bị tổn thương hơn so với nam giới.

So với các nghiên cứu của Lambrou and Piana (2006), Rodenberg (2009), kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, công bằng giới ở Giao Lạc đã có những chuyển biến tích cực, nhất là trong việc thay đổi nhận thức của xã hội về vai trò của nữ giới trong gia đình. Nữ giới đã tham gia bàn bạc và quyết định hơn 70% GPUP với TT trong trồng trọt và chăn nuôi, tham gia bàn bạc 100% quyết định liên quan đến các khoản vay. Nghiên cứu cũng chỉ ra, phụ nữ ở Giao Lạc có năng lực, kinh nghiệm phong phú trong ứng phó với TT. Đây chính là những nguồn lực quan trọng cần được chính quyền địa phương, các nhà chính sách huy động để ứng phó hiệu quả với TT và BĐKH trong SXNN.

Tuy nhiên, nhiều biểu hiện cho thấy bất bình đẳng giới vẫn đang tồn tại ở Giao Lạc đó là sự hạn chế của nữ giới trong việc tham gia các quá trình ra quyết định trong cộng đồng; gánh nặng công việc gia đình của nữ giới chưa được chia sẻ trong khi họ phải nhận thêm nhiều trách nhiệm mới trong sản xuất; sự phụ thuộc

của nữ giới vào nam giới về đất đai, tài sản. Vì những lý do đó, khoảng cách về giới tại Giao Lạc sẽ có nguy cơ ngày càng trở nên sâu sắc khi BĐKH xảy ra.

Với các phát hiện trên, nghiên cứu có một số kiến nghị với chính quyền địa phương nhằm đảm bảo cách tiếp cận công bằng giới cho các chính sách ứng phó với biến đổi khí: Tăng cường mở rộng các khóa tập huấn nâng cao năng lực cho cả nam giới và nữ giới tại cộng đồng, đặc biệt quan tâm tới đặc thù lao động sản xuất theo giới; Đa dạng hóa sinh kế nhằm nâng cao mức sống (chú ý tránh làm tăng áp lực công việc cho nữ giới); Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, đê điều và hệ thống nước sạch, vệ sinh để cải thiện điều kiện sống cho người dân; Tạo điều kiện để cả nam giới và nữ giới được có tiếng nói trong việc xây dựng các kế hoạch ứng phó với TT trong sản xuất và sinh hoạt; Tuyên truyền, giáo dục bình đẳng giới cho cộng đồng hướng tới sự chia sẻ công việc bình đẳng, hợp lý giữa nam giới và nữ giới; Mở rộng việc đánh giá tính hiệu quả của các chính sách ứng phó với BĐKH đã triển khai tại địa phương trong đó áp dụng cách tiếp cận giới nhằm đảm bảo công bằng xã hội.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này do dự án ACCCU_NicheVNM105 tài trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Jones, R. (2009). A Review of ‘Gender and Climate Change: Mapping the Linkages, 12(9). Available at: <http://www.awid.org/eng/Issues-and-Analysis/Library/A-review-of-Gender-andClimate-Change-Mapping-the-Linkages>.
- Lambrou, Y. and Piana, G. (2006). Gender: The Missing Component of the Response to Climate Change, Food and Agriculture Organization (FAO), USA.
- Rodenberg, B. (2009). Climate Change Adaptation from a Gender Perspective: a cross-cutting analysis of development policy instrument, Discussion Paper in DIE Research Project “Climate Change and Development”, Bonn.
- Skiner, E. (2011). Gender and Climate Change: Overview report, BRIDGE Cutting Edge Pack on Gender and Climate Change, Institute of Development Studies. Available at: http://docs.bridge.ids.ac.uk/vfile/upload/4/document/1211/Gender_and_CC_for_web.pdf.
- UBND Giao Lạc (2013). Báo cáo phát triển kinh tế xã hội Giao Lạc năm 2013, Giao Lạc, Giao Thủy, Nam Định.